

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2026/DS - ST
Ngày: 30 - 03 - 2026
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi

2. Ông Lưu Văn Đề

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2025/TLST-TCDS ngày 29 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐXXST-TCDS ngày 13 tháng 03 năm 2026. giữa:

* Nguyên đơn: Ông Trần Huy T, sinh năm 1944; Địa chỉ: Thôn C Phúc T xã R tỉnh Ninh Bình.

* Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn C Phúc T xã R tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1951; Địa chỉ: Thôn C Phúc T xã R tỉnh Ninh Bình.

- Chị Trần Thị L, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn C Phúc T xã R tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt: Ông T, bà H1, anh H và chị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn ông Trần Huy T vắng mặt lời khai của ông T tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Do có mối quan hệ bố con vào

ngày 19/11/2020 vợ chồng ông có cho vợ chồng anh Trần Văn H, chị Trần Thị L vay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), sau khi đưa tiền anh H có viết giấy biên nhận với nội dung “hôm nay ngày 19/11/2020 con. Có thuê của bố với số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) với lãi xuất 6,6% năm trả lãi vào ngày 20 hàng tháng ký tên Trần Văn H, người chứng kiến Trần thị H2, Trần thị R, Trần văn T1”. Hai bên thỏa thuận miệng khi nào cần báo trước để vợ chồng anh H sẽ sắp xếp trả. Kể từ khi nhận tiền đến hạn trả lãi anh H lại khát do là bố con nên ông cũng không đòi. Cuối năm 2021 do bị ốm cần tiền ông đã yêu cầu vợ chồng anh H trả tiền gốc và lãi nhưng anh H khát, vợ chồng ông đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh H không trả do vậy ông đã làm đơn khởi kiện ra tòa buộc vợ chồng anh H phải trả nợ cho vợ chồng ông số tiền gốc là 100.000.000 đồng, ông không yêu cầu trả lãi. Trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết chị L đã nhận trả nợ cho vợ chồng ông một nửa số nợ cụ thể số tiền 50.000.000 đồng. Vợ chồng ông và chị L đã thống nhất thỏa thuận xong. Nay ông xác định anh H còn nợ vợ chồng ông số tiền 50.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án buộc anh Trần Văn H trả cho vợ chồng ông số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt nhưng lời khai của anh H tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Anh xác định vợ chồng anh có vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn, đây là khoản vay chung của vợ chồng anh, nay ông T khởi kiện, yêu cầu anh phải trả nợ cho vợ chồng ông bà số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi, anh cũng nhất trí nhưng do vợ chồng mỗi người một nơi, công việc của anh không ổn định, nên chưa có để trả nợ ngay, anh đề nghị ông T, bà H1 cho anh xin trả nợ dần.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H1 vắng mặt nhưng lời khai của bà H1 tại Tòa án thể hiện: bà nhất trí với ý kiến của ông T; Vợ chồng bà có cho vợ chồng anh H vay số tiền là 100.000.000 đồng để làm ăn nhưng đến nay đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh H không trả, nay chị L đã thỏa thuận với vợ chồng bà trả một nửa là 50.000.000 đồng và đã thỏa thuận trả xong. Nay bà đề nghị Tòa án buộc anh Trần Văn H trả cho vợ chồng ông số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị L vắng mặt nhưng lời khai của chị L tại Tòa án thể hiện: Chị xác định vợ chồng chị có vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn, đây là khoản vay chung của vợ chồng. Chị đã nhận trả nợ cho vợ chồng ông T một nửa số nợ cụ thể là 50.000.000 đồng giữa chị và vợ chồng ông T đã thống nhất thỏa thuận xong. Việc ông T và bà H1 kiện đòi anh H phải trả cho ông bà số tiền

50.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi đó là việc riêng của mọi người chỉ không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đến khi xét xử tại phiên toà.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huy T, buộc anh Trần Văn H có nghĩa vụ trả nợ cho ông T số tiền 50.000.000 đồng, không phải trả lãi vay.

Về án phí: Căn cứ Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án anh H phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, Bị đơn anh Trần Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: xã R, tỉnh Ninh Bình. Nay ông Trần Huy T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp vay tài sản đối với anh Trần Văn H và Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự có mặt vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt ông T, bà H1, anh H và chị L. Mọi người đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà H1, anh H và chị L là phù hợp với quy định Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay xác định vợ chồng anh Trần Văn H, chị Trần Thị L có vay của vợ chồng ông Trần Huy T, bà Vũ Thị H1 số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu) và có viết giấy biên nhận với nhau không xác định thời hạn trả nợ, lãi suất 6,6%/năm nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” **không** kỳ hạn theo quy định tại

Điều 469 Bộ luật Dân sự. Hai bên xác lập giao dịch dân sự từ năm 2020 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Các bên đương sự ông Trần Huy T, bà Vũ Thị H1 anh Trần Văn H và chị Trần Thị L đều thống nhất trên cơ sở là quan hệ bố con nên vợ chồng ông T, bà H1 có cho vợ chồng anh H, chị L vay số tiền là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để làm ăn. Hai bên thống nhất lãi 6,6%/năm trả vào ngày 20 hàng tháng. Do vợ chồng anh H, chị L không trả lãi như thỏa thuận, ông T bà H1 đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh H không trả nên vợ chồng ông T khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L và anh H đều thống nhất mỗi người phải trả cho ông T bà H1 số tiền là 50.00.000 đồng.

Chị L và vợ chồng ông T, bà H1 đã thống nhất giải quyết xong phần nghĩa vụ phải trả của chị L nên ông T và bà H1 rút yêu cầu.

Do anh H không trả nên vợ chồng ông T, bà H1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh H phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền là 50.000.000 đồng và ông bà không yêu cầu trả lãi. Anh H nhất trí đề nghị của ông T, bà H1 nhưng anh trình bày do kinh tế khó khăn chưa có để trả nên xin trả nợ dần.

Xét việc ông T bà H1 rút yêu cầu buộc chị L phải trả cho ông bà số tiền 50.000.000 đồng mà chị L nhận nợ của ông bà thấy là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội không vi phạm điều cấm của pháp luật nên chấp nhận là phù hợp.

Xét yêu cầu của ông T bà H1 buộc anh H trả lại cho ông bà số tiền gốc là: 50.000.000 đồng mà anh H đang nợ. Anh H xác nhận có nợ ông bà số tiền trên, thấy yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đối với lãi suất của khoản vay: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông T, bà H1 không yêu cầu trả lãi, anh H cũng nhất trí. Xét việc không yêu cầu trả lãi của ông T bà H1 thấy là hoàn toàn tự nguyện nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Đối với khoản nợ 50.000.000 của chị Trần Thị L do ông T bà H1 rút trước khi mở phiên tòa nên ông T bà H1 không phải nộp án phí.

Bị đơn anh Trần Văn H phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh H có đề nghị Tòa án xem xét giảm cho anh một phần án phí vì điều kiện kinh tế khó khăn nhưng anh H không nộp được tài liệu chứng cứ nào vì vậy không có căn cứ để giảm án phí cho anh H.

[6] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huy T, bà Vũ Thị H1: Buộc anh Trần Văn H phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huy T, bà Vũ Thị H1: Buộc anh Trần Văn H phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trần Huy T, bà Vũ Thị H1 có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Trần Văn H chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trần Văn H phải nộp 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho người có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND Khu vực 11;
- Phòng THADS Khu vực 11;
- Các đương sự;
- UBND xã Rạng Đông;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Trọng Ích

